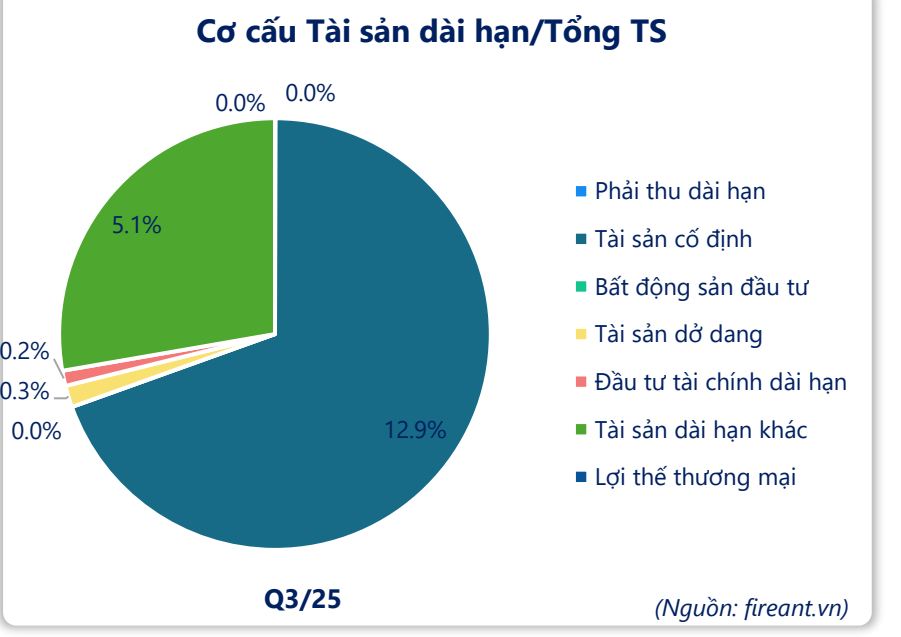
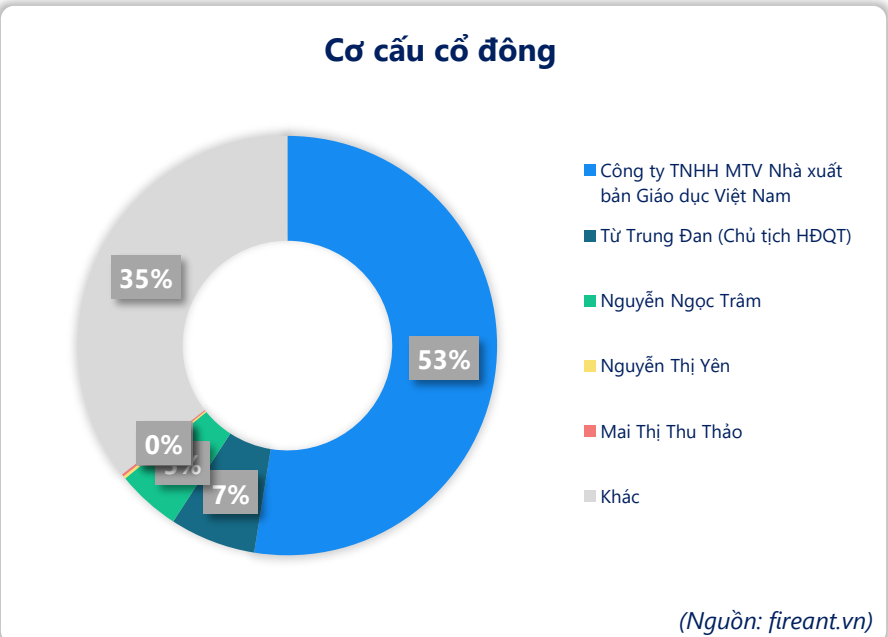
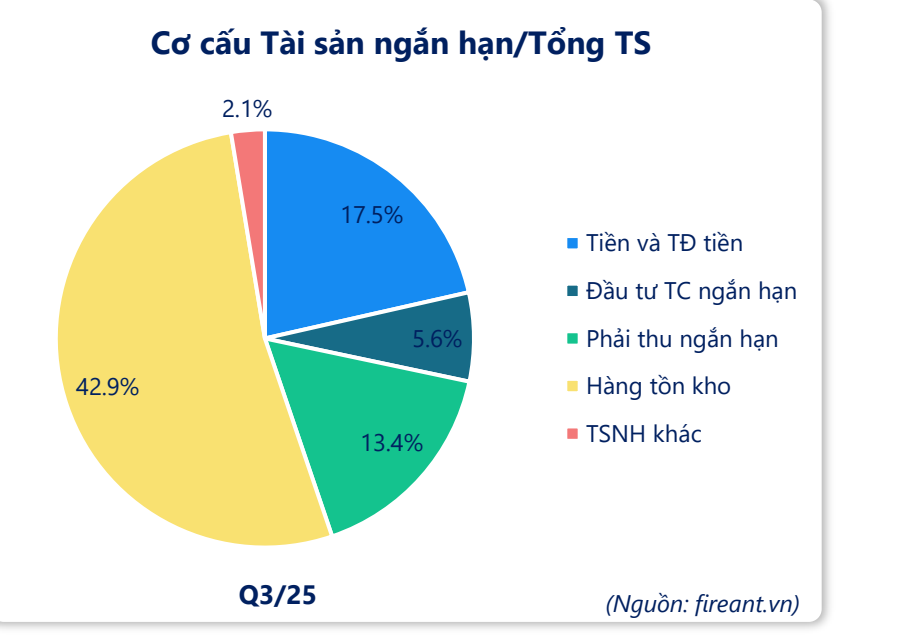
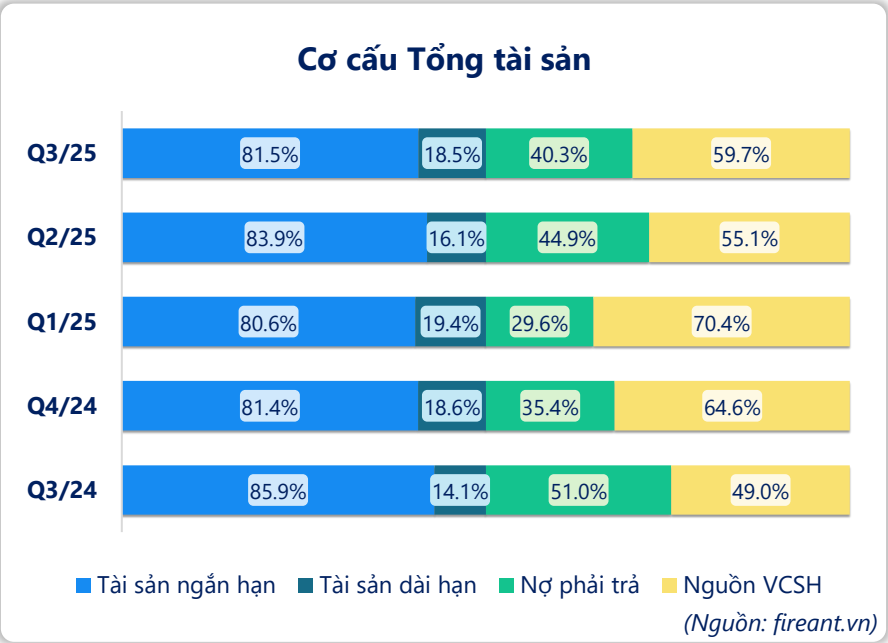
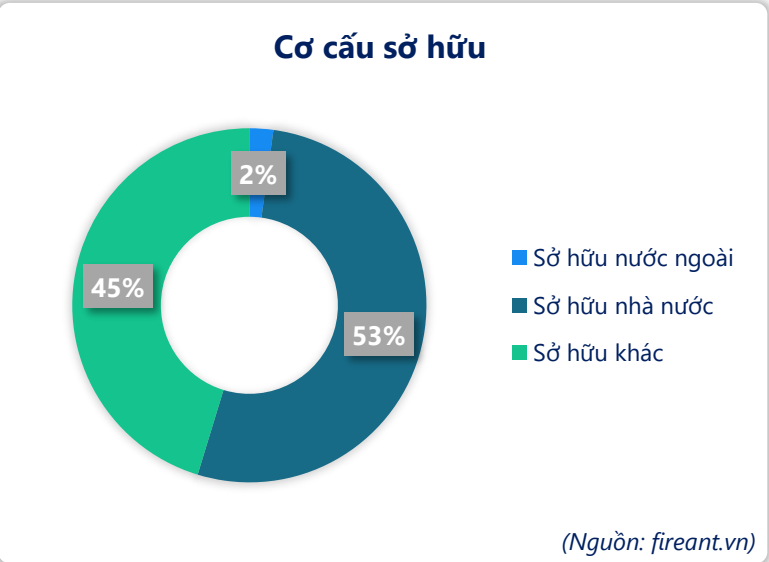
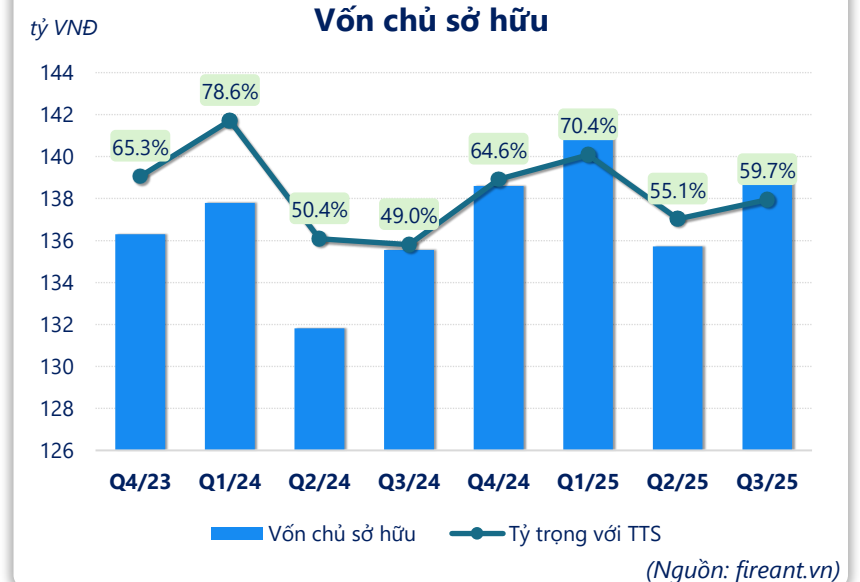
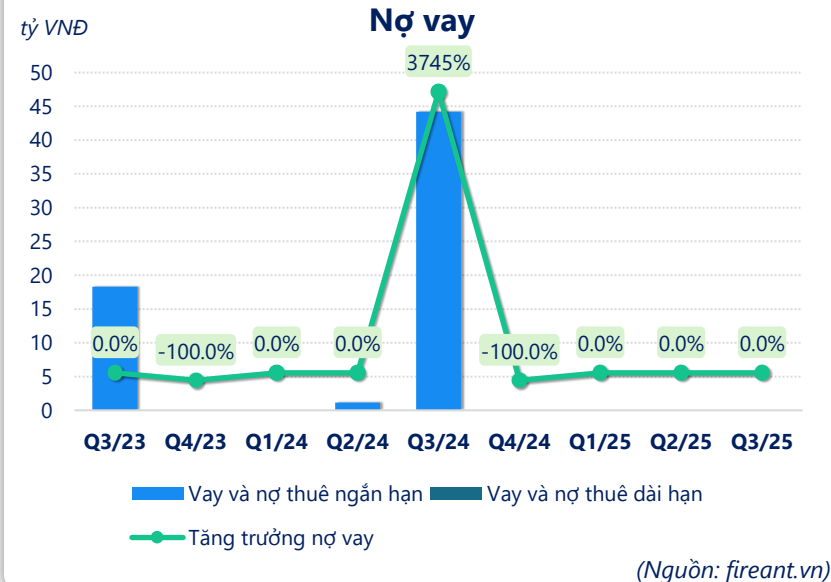
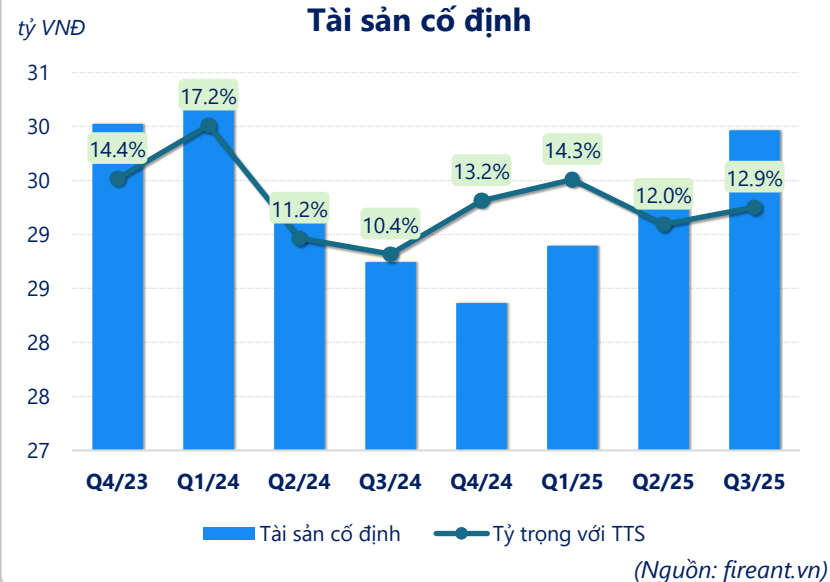
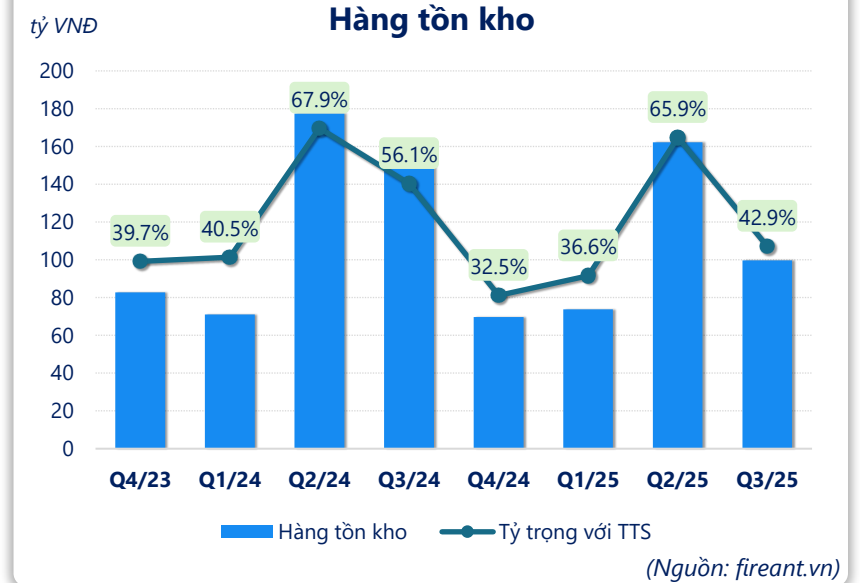
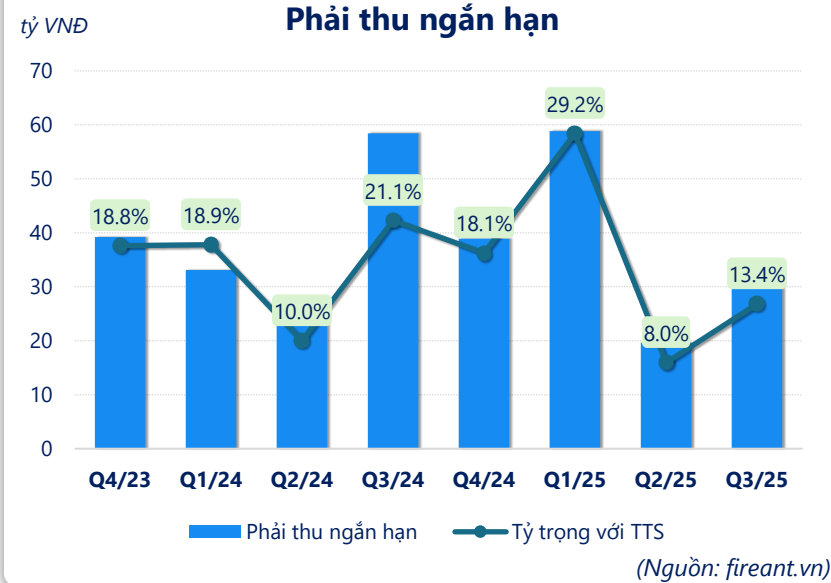
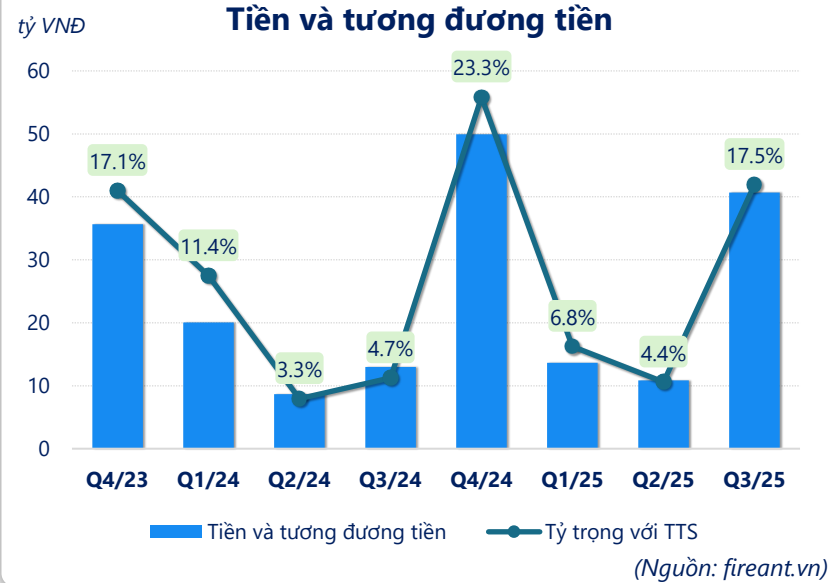
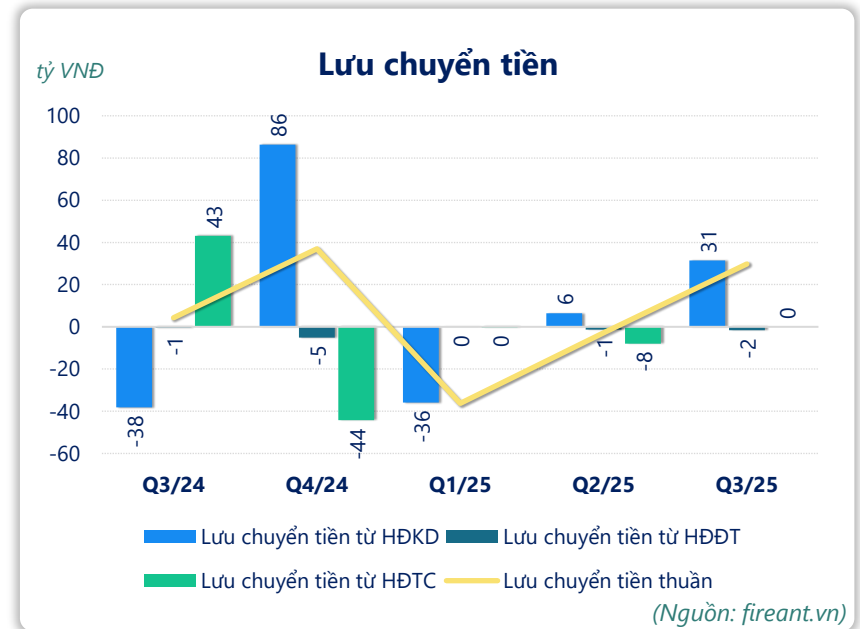
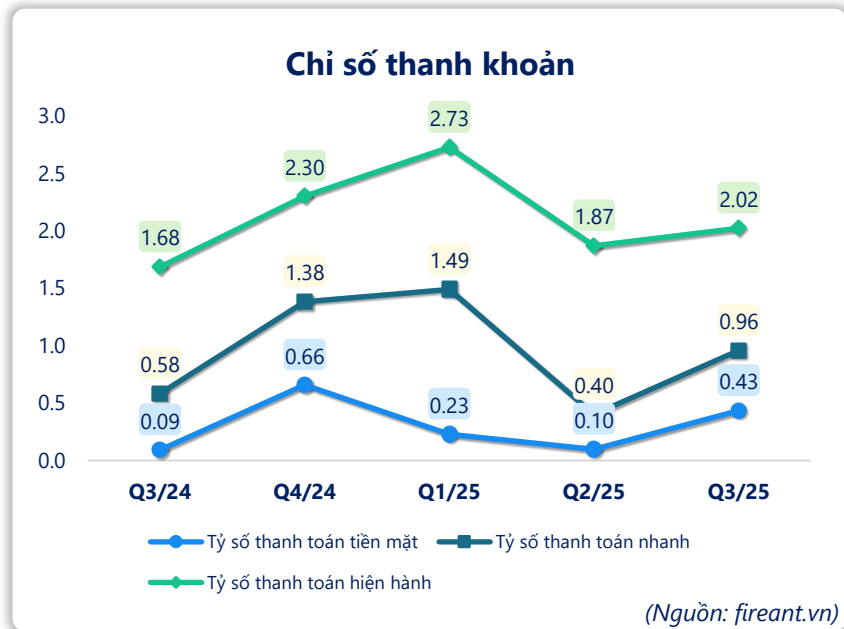
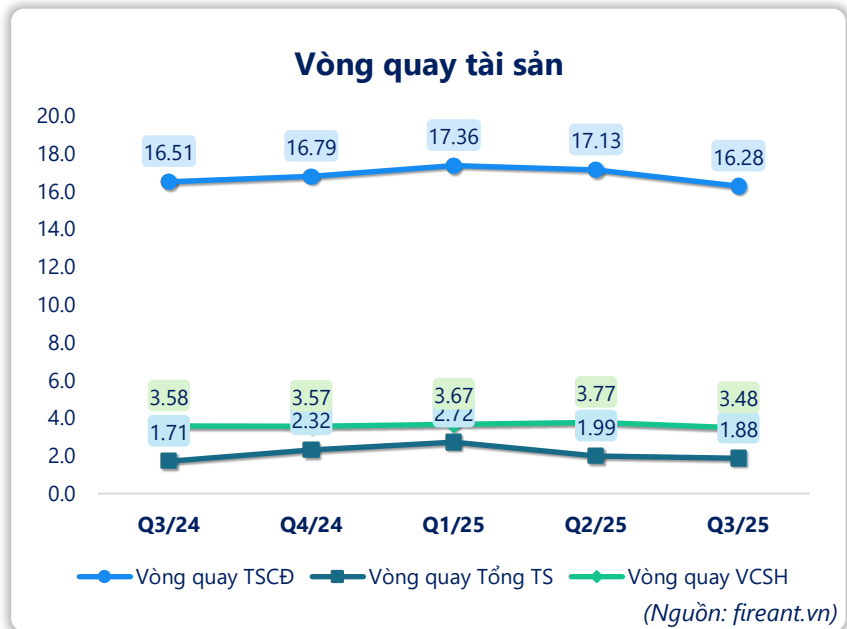
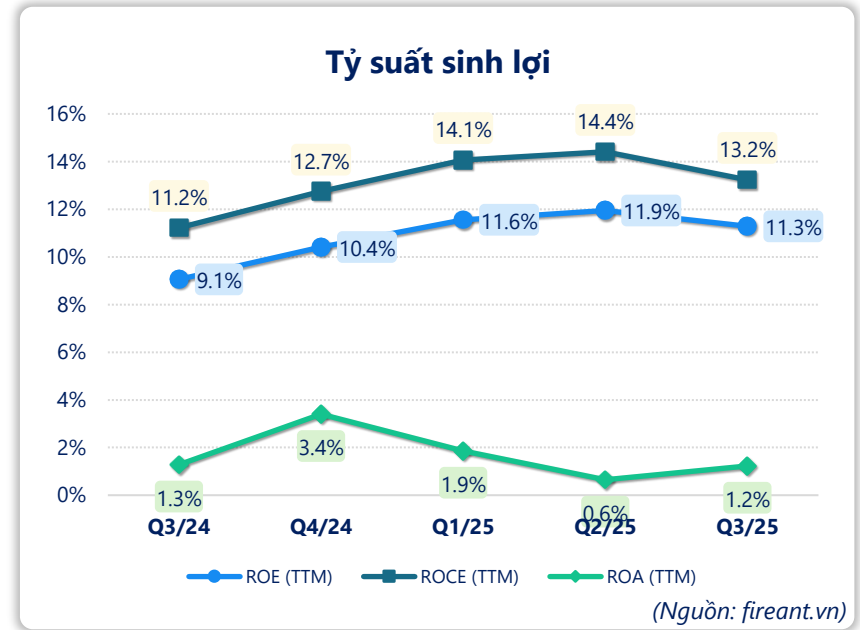
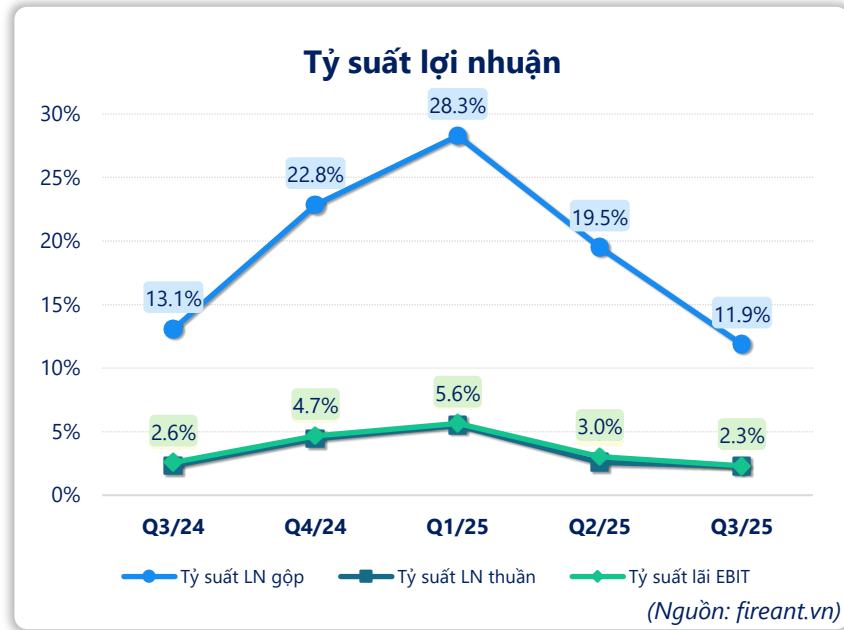
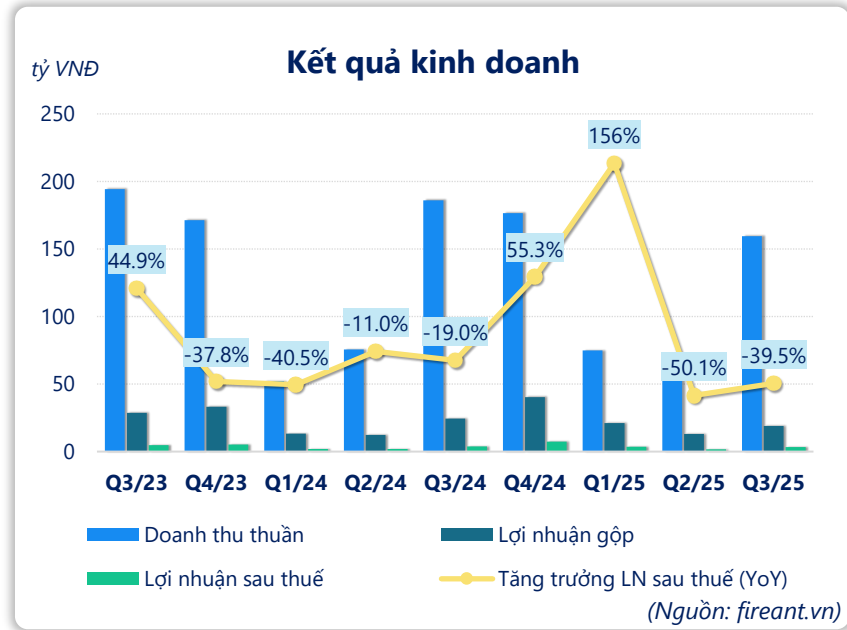


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,346
SL cổ phiếu LH		5,665,530
KLGD BQ 20 phiên (CP)		550
% sở hữu nước ngoài		2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		99
P/E		6.4
EPS		2,733

	YTD	1T	3T	6T
STC	11.2%	-1.1%	5.4%	5.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	233	215	8.5%
Tài sản ngắn hạn	190	175	8.6%
Tiền và tương đương tiền	40.7	49.9	-18.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.0	13.0	0.3%
Phải thu ngắn hạn	31.2	38.9	-19.7%
Hàng tồn kho	99.7	69.6	43.2%
Tài sản ngắn hạn khác	4.94	3.17	55.9%
Tài sản dài hạn	43.1	39.9	8.0%
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	30.0	28.4	5.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.70	1.80	-61.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.49	0.49	0.0%
Tài sản dài hạn khác	12.0	9.27	29.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	93.7	75.9	23.5%
Nợ ngắn hạn	93.7	75.9	23.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	63.3	30.8	106%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	139	139	0.3%
Vốn chủ sở hữu	139	139	0.3%
Vốn điều lệ	56.7	56.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	186	177	74.8	66.8	160
Giá vốn hàng bán	162	136	53.6	53.8	141
Lợi nhuận gộp	24.3	40.3	21.1	13.0	18.9
Doanh thu HĐTC	0.03	1.05	0.22	0.56	-0.35
Chi phí TC	0.34	0.18	0	0.04	0.01
Chi phí lãi vay	0.34	0.18	0	0.04	0.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.2	18.1	8.50	5.64	6.47
Chi phí QLDN	9.52	15.2	8.76	6.19	8.45
LN thuần từ HĐKD	4.33	7.85	4.10	1.72	3.64
Lợi nhuận khác	0.13	0.21	0.12	0.26	0.04
LN trước thuế	4.46	8.06	4.22	1.98	3.68
Lợi nhuận sau thuế	3.74	7.34	3.65	1.74	3.24
LNST của CĐ cty mẹ	3.63	7.20	3.51	1.65	3.13

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-38.2	86.3	-35.8	6.45	31.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.55	-5.13	-0.11	-1.30	-1.59
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	43.1	-44.2	-0.35	-7.94	0
Tiền đầu kỳ	8.65	13.0	49.9	13.6	10.9
Lưu chuyển tiền thuần	4.30	37.0	-36.3	-2.79	29.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	13.0	49.9	13.6	10.9	40.7

(Nguồn: fireant.vn)